TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 21-01-2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất; đòi tài sản; đòi bồi thường danh dự, nhân phẩm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Huấn**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lường Văn Hịa** và ông **Lò Văn Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Châm**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà **Nhữ Thị Thanh Nhàn**, Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất; đòi tài sản; đòi bồi thường danh dự, nhân phẩm" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST - DS ngày 26/12/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phan Vũ Kiều O, sinh năm: 1977

Địa chỉ: SN 118, tổ 7, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Bị đơn:** 1. Chị Vũ Thị B, sinh năm: 1970

2. Anh Đinh Văn M, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Vũ Tiến A, sinh năm 1973

Địa chỉ: SN 118, tổ 7, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1961

Địa chỉ: SN 112, tổ 16, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

3. Chị Vũ Thị S, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số nhà 45, tổ16, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

4. Chị Vũ Thị M, sinh năm 1963

Địa chỉ: Đội 24, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

5. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phan Vũ Kiều O trình bày:*

Năm 2005, do thỏa thuận giữa 5 chị em gái với chồng tôi nên vợ chồng tôi đồng ý đổi vị trí đất cho các chị em. Theo đó các chị lấy sang phần ngõ đi vào nhà trong giáp đất ông Tạ Văn C, nay là đất ông Đào Văn H, còn vợ chồng tôi nhận phần đất hoàn toàn là ao, phải đổ đất vào mới sử dụng được. Tại thời điểm đó chúng tôi đã đổ khoảng 200 m^3 đất, loại đất phù sa lấy ở bãi màu vào vị trí trên. Phần ao trên có vị trí phía Bắc giáp nhà ở ông Đinh Văn M, bà Vũ Thị B khoảng 15 mét; phía Nam giáp thửa đất 1636a khoảng 15 mét; phía Đông giáp hành lang lưu không đường Quốc lộ 279 khoảng 5 mét; phía Tây giáp bể nước, giếng đào thuộc khuôn viên đất của ông T, bà H (thửa đất 1636) khoảng 4 mét. Thời điểm đó chúng tôi không lập hợp đồng mà chỉ thuê họ đổ đất và thanh toán tiền mặt. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ xác định vị trí khối lượng đất vợ chồng tôi đã đổ vào phần ao từ năm 2005 mà hiện tại ông M, bà B đã xây tường bao để tôi lấy đất ra sử dụng.

Năm 2016, khi Tòa án nhân dân huyện Đ chưa giải quyết xong vụ án dân sự về tranh chấp quyền sử dụng đất thì ông Đinh Văn M và bà Vũ Thị B đã tiến hành xây tường bao trên phần diện tích đất tranh chấp. Khi xây ông M, bà B có lấn chiếm sang thửa đất 1636A (theo bản đồ gốc) hiện mang tên vợ chồng tôi khoảng 1,3 mét về phần đuôi đất tổng diện tích khoảng 17 m^2. Gia đình tôi đã yêu cầu ông M dừng ngay việc xây dựng, để Tòa án giải quyết xong mới được xây. Tuy nhiên ông M vẫn cố tình xây dựng và vụ việc đã được chúng tôi báo cáo đến Tòa án nhân dân huyện Đ, UBND xã T để Tòa án yêu cầu ngừng việc xây dựng, UBND xã T cũng đã lập biên bản. Ông M không chấp hành mà vẫn cố tình xây tường bao. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ buộc ông M, bà B đập tường bao để trả lại cho gia đình tôi diện tích đất trên.

Thửa đất 1636a theo bản đồ gốc có vị trí phía Đông giáp đường Quốc lộ 279 có chiều dài 17,73 mét; phía Nam giáp đất ông Tạ Đức C, nay là đất anh Đào Văn H có chiều dài 42,82 mét; Phía Tây giáp thửa đất 1636 của bố mẹ chồng tôi có chiều dài 19,03 mét; Phía Bắc giáp với thửa đất 1636b mang tên Vũ Thị B có chiều dài 38,36 mét. Năm 2005 chị Vũ Thị S đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích

thửa đất 1636a cho vợ chồng tôi, trong đó có 8 mét theo chiều bám mặt đường 279 là phần mẹ cho vợ chồng tôi, có 4 mét vợ chồng tôi mua của chị Sa, còn lại là ngõ vào thửa đất 1636 có vị trí tiếp giáp đất ông Đào Văn H.

Do việc hoán đổi vị trí đất giữa các chị em trong gia đình nên hiện tại ngõ vào thửa đất 1636 đang bị sai vị trí. Ông M bà B khi xây tường bao đã lấn chiếm 1,3 mét phần đuôi đất nên hiện tại thửa đất 1636a đang bị thiếu so với bản đồ gốc. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ thẩm định lại thửa đất 1636a theo bản đồ gốc để gia đình tôi xác định đúng vị trí, diện tích phần đất là tài sản chung của vợ chồng tôi và phần đất là tài sản riêng do chồng tôi quản lý.

Trong đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 04/10/2018, nguyên đơn chị Phan Vũ Kiều O trình bày:

Ngày 02/12/2017 tức ngày 15/10/2017 âm lịch, khi vợ chồng tôi đang sắp lễ cúng tại sân nhà cũ của bố mẹ thì bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M đã tổ chức cho một số người tụ tập tại nhà bà B, ông M rồi kéo sang nhà cũ của bố mẹ chửi bới, lăng mạ, sỉ nhục và đánh đập vợ chồng tôi. Họ còn đập phá, chặt, chém, giẫm đạp đồ lễ cúng của chúng tôi, làm cho đồ lễ cúng không sử dụng được, chén đĩa bị chém vỡ hết.

Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc ông M, bà B phải xin lỗi vợ chồng tôi trước toàn thể nhân dân Thôn H, xã T, bồi thường danh dự, nhân phẩm cho tôi bằng tiền mặt theo quy định của pháp luật.

Tôi yêu cầu ông M, bà B phải bồi thường cho tôi hai mâm lễ cúng đã bị đập phá. Giá trị đồ lễ tổng là 1.000.000 đồng tiền mặt.

** Tại các văn bản ý kiến đề ngày 09/7/2018 và ngày 24/10/2018, bị đơn anh Đinh Văn M và chị Vũ Thị B trình bày:*

Năm 1996, bố tôi làm thủ tục tách đất cho vợ chồng tôi và đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B106117 số thửa 1636b, tờ bản đồ 361-e ngày 01/10/1996. Năm 2003 vợ chồng tôi làm nhà kiên cố, khi đó khu vực chúng tôi làm nhà thì hành lang giao thông phải trừ ra là 13,5 mét. Sau khi đo kiểm tra toàn bộ chiều rộng mặt đường 279 của hai thửa đất 1636a 1636b và cả đường đi vào thửa đất 1636 tổng chiều rộng là 29 mét. Sau khi trừ hành lang giao thông thì chiều sâu các thửa đất chỉ còn 13 mét, không thuận lợi cho việc xây dựng nhà cửa. Khi đó bố mẹ tôi còn sống mới quyết định kéo dài đất của vợ chồng tôi và đất của chị S thêm sâu vào đất của bố mẹ tôi là thửa 1636 đến giáp giếng đào xây gạch và phân chia đất bám mặt đường 279 cho các con như sau:

- Đất gia đình tôi ở giáp với nhà ông Đào Văn N, rộng bám mặt đường 279 là 07 mét đầu đuôi bằng nhau nhưng đến khi cắm mốc giới thì các chị và em A đo cho chúng tôi thêm 0,5 mét. Như vậy đất của vợ chồng tôi mặt đường 279 là 7,5 mét, chúng tôi chỉ sử dụng 07 mét, chiều sâu trừ hành lang đường bộ từ tim đường vào 13,5 mét vào là 26 mét. Phần đất còn lại nằm trong sổ đỏ của nhà tôi mà tôi đã san lấp từ năm 1993 thì mẹ tôi bảo để chia cho chị em không ở cùng bố

mẹ mỗi người 01 mét, sau này vợ chồng tôi có trách nhiệm tách sổ cho các chị em.

- Đất của chị S: Chị S có trách nhiệm tách thửa cho A theo chiều rộng bám mặt đường 279 là 08 mét, chiều sâu bằng đất nhà tôi. Đất chị S chiều rộng bám mặt đường 279 là 04 mét, còn lại là đường đi vào nhà chung của bố mẹ trên thửa đất 1636.

Năm 2004, mẹ tôi mất, các con đã họp lại ghi nhận những nội dung phân chia đất cho các thành viên trong gia đình và ký văn bản họp ngày 15/8/2004. Đến tháng 12/2006, do không có nhu cầu sử dụng đất 5 mét của 5 chị em N, M, T1, T, H được mẹ tôi phân chia năm 2003 nên các chị em nhượng lại cho gia đình tôi, phần đất này vẫn nằm trong sổ đỏ của gia đình tôi do tôi chưa kịp tách sổ cho các chị em. Như vậy từ năm 2006 cho đến nay, khuôn viên đất của gia đình tôi sử dụng có chiều rộng mặt đường 279 là 12 mét, chiều sâu 26 mét cách gianh giới đất nhà chị S 0,5 mét.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan quản lý không đo vẽ sơ đồ vào trong giấy chứng nhận. Tuy nhiên căn cứ vào trích lục của Văn phòng đăng ký đất đai thì đất của gia đình tôi có chiều rộng mặt đường 279 là 12,5 mét, chiều sâu 39,05 mét. Tổng diện tích cả ao là 700 mét, trên cơ sở về lịch sử của đất, sự phân chia của gia đình, về hồ sơ địa chính, về tư cách của chủ sử dụng đất liền kề, chị O không có quyền khởi kiện tranh chấp về gianh giới sử dụng đất. Do vậy chúng tôi không nhất trí về yêu cầu khởi kiện của chị O kiện gia đình chúng tôi lấn chiếm 1,3 mét phần đuôi đất giáp đất bố mẹ tôi tương ứng 17 m^2.

Về nội dung khởi kiện của chị O đối với khối lượng đất đổ vào ao mà hiện tại vợ chồng tôi đang sử dụng. Chúng tôi có ý kiến như sau:

Khoảng từ đầu năm 2003 đến tháng 12/2006 phần diện tích 05 mét đất mặt đường 279 được chia cho các chị N, M, T1, T, H. Trong khoảng thời gian này diện tích đất trên không thuộc quyền quản lý của vợ chồng tôi do vậy khối lượng đất đổ bao nhiêu, kinh phí như thế nào thuộc phạm vi tránh nhiệm của 5 chị em. Vợ chồng tôi không liên quan, cũng không có giao dịch dân sự nào với chị O về việc đổ đất. Do vậy chúng tôi không nhất trí theo yêu cầu của chị O.

Về yêu cầu đòi bồi thường danh dự, nhân phẩm bằng cách xin lỗi vợ chồng A O và bồi thường bằng tiền theo quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu bồi thường hai mâm cỗ cúng với giá trị 1.000.000 đồng của chị O chúng tôi bác bỏ hoàn toàn do sự việc xảy ra đánh nhau khi vợ chồng A, O đến thắp hương vào ngày 02/12/2017 chúng tôi không can dự, không lôi kéo, không liên quan.

** Tại văn bản ý kiến đề ngày 16/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Tiến A nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của chị Phan Vũ Kiều O.*

** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị N, Vũ Thị M, Vũ Thị S, Vũ Thị T không nhất trí và bác bỏ các yêu cầu khởi kiện của chị Phan Vũ Kiều O.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 25/6/2018, chị Phan Vũ Kiều O gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi tài sản là khối lượng đất chị đổ vào phần ao mà hiện tại nằm trong khuôn viên của nhà anh Đinh Văn M và chị Vũ Thị B đang sử dụng. Sau khi xem xét đơn yêu cầu giải quyết của chị O hợp lệ, Tòa án nhân dân huyện Đ đã thụ lý và giải quyết theo yêu cầu của chị. Ngày 11/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ tiếp tục thụ lý hai yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện của chị O về việc buộc chị B, anh M xin lỗi và bồi thường bằng tiền mặt do đã tổ chức lôi kéo người khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm anh A chị O. Đồng thời chị yêu cầu chị B, anh M phải bồi thường hai mâm cỗ cúng trị giá 1.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết, các đương sự là bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất; đòi tài sản; đòi bồi thường danh dự, nhân phẩm. Chị B, anh M cũng như địa chỉ của các thửa đất tranh chấp ở thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Do vậy theo quy định tại khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu của chị Phan Vũ Kiều O đòi anh Đinh Văn M, chị Vũ Thị B trả lại khối lượng đất đã đổ vào ao từ năm 2005:

Đây là yêu cầu đòi tài sản của đương sự và tài sản là khối lượng 200 m^3 đất mà chị O đã thuê xe chở từ nơi khác đổ vào để lấp diện tích ao. Khi chưa có mâu thuẫn phát sinh thì chị O không tranh chấp gì và anh M, chị B vẫn sử dụng diện tích đất đó để làm vườn, chăn thả gia cầm. Đến nay, tranh chấp phát sinh, chị O yêu cầu anh M, chị B trả lại bằng cách chị múc đất ra sử dụng. Trong quá trình giải quyết, chị O không cung cấp được hợp đồng thuê xe chở đất, thời gian đã lâu, chị không cung cấp được tài liệu gì để chứng minh cho việc đổ đất của mình. Để có chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định vị trí, khối lượng đất đã đổ vào ao nằm trong khuôn viên mà chị B, anh M đang sử dụng.

Ngày 20/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành thẩm định vị trí và khối lượng đất đổ theo yêu cầu của chị Phan Vũ Kiều O. Tuy nhiên tại buổi thẩm định tại chỗ, chị O và chị B không xác định được mốc giới của phần đất đổ từ năm 2005. Chị O yêu cầu Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đào hoặc khoan phần diện tích đất chị đã đổ vào ao bên phần đất nhà chị để chị xác định phần đất bên nhà chị B quản lý. Trên cơ sở ý kiến của chị O, đại diện cơ quan chuyên môn tham gia Hội đồng đã cho ý kiến không thể khoan hoặc đào để xác định khối

lượng đất đổ như ý kiến của chị O vì thời gian đã lâu, qua thời gian đất đổ đã bị đè nén nên chỉ xác định được đất mới hay đất cũ chứ không xác định được khối lượng đất. Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ không thẩm định được theo yêu cầu của đương sự.

Như vậy chị O không có đủ chứng cứ để bảo vệ cho yêu cầu khởi kiện của chị. Hơn nữa yêu cầu của chị là để chị múc đất ra để sử dụng chứ không xác định giá trị để quy vật ra tiền buộc anh M, chị B trả cho chị. Nếu có việc chị O đổ đất như chị trình bày thì từ năm 2005 cho đến nay đất đổ không còn như nguyên trạng ban đầu nên chị O cũng không thể lấy được đúng khối lượng đất chị đã đổ để sử dụng. Với nhận định như trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của chị O.

[2.2] Về yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất:

Chị Phan Vũ Kiều O khởi kiện chị Vũ Thị B và anh Đinh Văn M phải phá bỏ tường rào xây trái phép và trả lại cho chị phần đất chị B anh M lấn chiếm khoảng 1,3 mét về phần đuôi đất tổng diện tích khoảng 17 m^2. Chị O cung cấp chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS427737 ngày 01/01/2014 mang tên Vũ Tiến A, Phan Vũ Kiều O và trích lục bản đồ địa chính khu đất hộ gia đình ông bà Vũ Văn T, Vũ Thị S, Vũ Thị B ở Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh Đinh Văn M, chị Vũ Thị B cung cấp biên bản kiểm tra, xác minh hiện trạng sử dụng đất ngày 10/6/2006 đối với thửa đất 1636a của anh A, chị O.

Chứng cứ chị O cung cấp cho thấy: Đối với trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Điện Biên cấp ngày 12/6/2017 được trích lục theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 1994. Chứng cứ này chứng minh nguồn gốc đất sử dụng của gia đình ông Vũ Văn T và các con trước đây. Đến nay, hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Vũ Văn T cũng như các thửa đất mang tên Vũ Thị S, Vũ Thị B đều bị thay đổi.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS427737 ngày 01/01/2014 mang tên Vũ Tiến A, Phan Vũ Kiều O thể hiện anh Vũ Tiến A, chị Phan Vũ Kiều O được UBND huyện Đ cấp diện tích đất 508 m^2 có các chiều dài x rộng là 30,8 x 15,03 mét và phần đất là cổng vào thửa đất 1636 rộng 2,7 mét. Chứng cứ chứng minh phần gianh giới giáp thửa 1636b là cổng vào thửa đất 1636.

Đối với chứng cứ anh Đinh Văn M, chị Vũ Thị B cung cấp cho thấy diện tích thửa đất 1636a tờ bản đồ 361-e diện tích 508 m^2 có các chiều dài x rộng là 33,8 mét x 15 mét và ngõ vào nhà trong 2,7 mét giáp đất nhà chị B.

Đối với chứng cứ Tòa án nhân dân huyện Đ thu thập bằng biện pháp xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy: Chiều rộng mặt đường 279 đo cả phần cổng vào thửa đất 1636 được 17,9 mét. Thừa so với Giấy chứng nhận đã cấp là 17,9 mét - 17,73 mét = 0,17 mét. Chiều rộng phía đuôi của thửa đất đo cả phần cổng vào thửa đất 1636 được 17,2 mét. Thiếu so với Giấy chứng nhận đã cấp là 17,73 mét - 17,2 mét = 0,53 mét.

Từ những chứng cứ các đương sự cung cấp ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Diện tích đất ở được UBND huyện Đ cấp cho anh Vũ Tiến A và chị Phan Vũ Kiều O vẫn đủ diện tích 508 m^2. Phần cổng vào thửa đất 1636 là phần đất thuộc lối đi chung của cả gia đình vào diện tích đất phía sau. Phần lối đi chung này được đo vẽ trong giấy chứng nhận của anh A chị O và thuộc quyền sử dụng chung của các hộ gia đình. Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy có việc hàng rào của gia đình anh M, chị B chiếm sang phần đất cổng vào thửa đất 1636 là 0,53 mét. Việc lấn chiếm này không làm ảnh hưởng đến lợi ích của chị O do đất ở của chị O được Nhà nước công nhận vẫn đảm bảo đủ diện tích. Trong trường hợp chị B, anh M có lấn chiếm vào lối đi chung thì ảnh hưởng đến quyền lợi của các chủ sử dụng khác không thuộc phạm vi khởi kiện của chị Phan Vũ Kiều O mà Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý trong vụ kiện này.

Chị O cho rằng khi hoán đổi vị trí đất giữa anh chị em trong gia đình với nhau đã làm sai lệch vị trí của phần đất cổng vào thửa đất 1636. Theo đó phần đất cổng vào thửa đất 1636 không phải ở vị trí giáp nhà anh M chị B mà nằm giáp nhà anh Đào Văn H. Tuy nhiên trong tất cả các chứng cứ đương sự cung cấp thì hiện trạng sử dụng đất kể cả việc hoán đổi vị trí chuyển nhượng cho nhau từ năm 2006, cho đến năm 2014 chị O, anh An cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều khẳng định cổng vào thửa đất 1636 giáp nhà chị B mà không có khiếu nại, tranh chấp gì.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị Phan Vũ Kiều O về việc buộc chị Vũ Thị B và anh Đinh Văn M phải phá bỏ tường rào xây trái phép và trả lại cho chị phần đất chị B anh M lấn chiếm khoảng 1,3 mét về phần đuôi đất tổng diện tích khoảng 17 m^2.

[2.3] Về yêu cầu của chị Phan Vũ Kiều O đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc anh M, chị B phải xin lỗi vợ chồng chị trước toàn thể nhân dân Thôn H, xã T, bồi thường danh dự, nhân phẩm cho vợ chồng chị bằng tiền mặt theo quy định của pháp luật:

Yêu cầu này tại phiên tòa xét xử, chị Phan Vũ Kiều O đã tự nguyện rút yêu cầu và được các đương sự khác đồng ý. Xét thấy việc rút yêu cầu của đương sự là tự nguyện đúng pháp luật, không bị ép buộc. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của đương sự. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Vũ Kiều O.

[2.4] Về yêu cầu của chị Phan Vũ Kiều O buộc anh M, chị B phải bồi thường cho chị hai mâm lễ cúng đã bị đập phá. Giá trị đồ lễ cúng tổng là 1.000.000 đồng tiền mặt.

Đây cũng là yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của chị O. Chị cung cấp chứng cứ là ảnh của các mâm lễ cũng đã bị đập phá, chém vỡ nát. Ngoài ra anh Vũ Tiến A còn yêu cầu Tòa án thu thập hồ sơ giải quyết vụ việc xô xát xảy ra

vào ngày 02/12/2017 giữa anh Vũ Tiến A với các chị em trong nhà do mâu thuẫn khi anh A, chị O làm lễ khởi công xây dựng nhà từ đường. Chị Vũ Thị N cung cấp các ảnh chụp chị bị chém vào vùng đầu chảy máu để phản biện yêu cầu của chị O. Trên cơ sở chứng cứ đương sự cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy việc các mâm đồ lễ cúng gồm xôi, gà, thịt, tiền vàng mã, hoa quả...bị bắn văng trên nền đất là có thật. Tại phiên tòa, chị O thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc chị S, chị N, chị M bồi thường cho chị. Thay đổi của chị vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Hơn nữa, Công an huyện Đ lập hồ sơ giải quyết vụ xô xát nhưng không có kết luận về lỗi của các đương sự. Sự việc xảy ra là do mâu thuẫn cãi nhau, tinh thần của các đương sự bị kích động mạnh dẫn đến xâm hại sức khỏe, tài sản của nhau. Do vậy yêu cầu này của chị O cũng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phần nhận xét việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử và của các đương sự, Kiểm sát viên đề nghị việc giải quyết vụ kiện theo hướng đình chỉ yêu cầu đã rút và không chấp nhận các yêu cầu còn lại của chị Phan Vũ Kiều O. Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

[3] Các vấn đề khác: Đối với yêu cầu của chị O đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ thẩm định lại thửa đất 1636a theo bản đồ gốc để gia đình anh xác định đúng vị trí, diện tích phần đất là tài sản chung của vợ chồng chị và phần đất là tài sản riêng do một mình anh A quản lý. Yêu cầu này của chị O không gắn với nội dung tranh chấp trong vụ kiện này do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí hợp lý cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo yêu cầu của chị Phan Vũ Kiều O hết 2.050.000 đồng. Do yêu cầu của chị O không được Tòa án chấp nhận nên chị O phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chi phí thực tế trên đã được chị O nộp đủ theo giấy biên nhận giao tiền của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 18; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phan Vũ Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của chị không được Tòa án chấp nhận mỗi yêu cầu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị O phải chịu là 900.000 đồng. Đối với yêu cầu chị rút, Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết vụ án, do yêu cầu không thuộc trường hợp phải nộp tiền tạm ứng án phí do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 166, 589 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 217, 218, 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 18; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của chị Phan Vũ Kiều O đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc anh Đinh Văn M, chị Vũ Thị B phải xin lỗi vợ chồng anh chị Vũ Tiến A và Phan Vũ Kiều O trước toàn thể nhân dân Thôn H, xã T, bồi thường danh dự, nhân phẩm cho anh chị bằng tiền mặt theo quy định của pháp luật.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu dân sự trên.

3. Không chấp nhận đơn khởi kiện và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện của chị Phan Vũ Kiều O đối với các yêu cầu về tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại hai mâm cỗ cúng.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Phan Vũ Kiều O phải chịu số tiền chi phí tố tụng 2.050.000 đồng. Chị O đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

5. Về án phí: Chị Phan Vũ Kiều O phải chịu tổng số tiền 900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị O đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002836 ngày 26/6/2018 và biên lai thu tiền số AA/2016/0003027 ngày 11/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt là nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/01/2019. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận hoặc được niêm yết bản án chính./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Huấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, DS.